TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CHƯƠNG: 423

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÍ IV NĂM 2024
(31/12/2024)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật QN công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quí 4 năm 2024 như sau:

				ĐV tính: Triệu đồng	
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quí 4 năm 2024 (31/12)	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quí 4 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
I	**Số thu phí, lệ phí**				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**				
1	***Chi sự nghiệp .....***				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	***Chi quản lý hành chính***				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**				
1	***Lệ phí***				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**				
I	**Nguồn ngân sách trong nước**				
1	**Chi quản lý hành chính**				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	**70.764,119**	**67.614,398**	**192,091**	

4.1	**Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên**	30.938,000	30.938,000	*100,000*	
	Quyết định 1301/QĐ-SYT ngày 18/12/2023- Kinh phí nguồn ngân sách tự chủ 2024	30.938,000	30.938,000	*100,000*	
4.2	**Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên**	39.826,119	36.676,398	*92,091*	
	Kinh phí cấp năm 2024	39.826,119	36.676,398	781,513	0
	Quyết định 1301/QĐ-SYT ngày 18/12/2023- Kinh phí mua tài sản, hàng hoá, vật tư dưa trụ sở mới vào hoạt động	360,000	360,000	*100,000*	
	Quyết định 1301/QĐ-SYT ngày 18/12/2023- Kinh phí duy trì kho vật tư chống dịch toàn ngành	90,000	90,000	*100,000*	
	Quyết định 54/QĐ-SYT ngày 24/01/2024- Kinh phí chi quà Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024	14,000	14,000	*100,00*	
	Quyết định 109/QĐ-SYT ngày 20/02/2024 - Kinh phí sự nghiệp công không tự chủ 2024	9.145,532	8.947,682	*97,84*	
	Quyết định 130/QĐ-SYT ngày 08/03/2024 - Kinh phí đề án tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị để nâng cao năng lực chăm sóc y tế năm 2024	593,800	589,828	*99,33*	
	QĐ số 201/QĐ-SYT ngày 22/3/2024 - Kinh phí Đề án tăng cường cơ cở vật chất, TTB	28.882,319	26.031,446	*90,13*	
	QĐ số 204/QĐ-SYT ngày 28/3/2024 - Kinh phí sự nghiệp ngành thực hiện nhiệm vụ đào tạo	0,000	0,000	-	
	QĐ số 967/QĐ-SYT ngày 29/7/2024 Kinh phí duy trì kho PCD	68,000	67,818	*99,73*	
	QĐ số 967/QĐ-SYT ngày 29/7/2024 Kinh phí huỷ vật tư	103,000	97,318	*94,48*	
	QĐ số 1222/QĐ-SYT ngày 5/9/2024 Kinh phí vận chuyển kho vật tư PCD Covid-19 ngành y tế	60,468	58,840	-	
	QĐ số 1293/QĐ-SYT ngày 24/9/2024 Kinh phí khắc phục sau bão Yagi	509,000	419,466	-	
5	**Chi bảo đảm xã hội**				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	**Chi hoạt động kinh tế**				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	**thông tấn**				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	**Nguồn vốn viện trợ**				
1	**Chi quản lý hành chính**				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**				
4.1	Dự án A				

4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Ngày 27 tháng 12 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NINH

Vũ Quyết Thắng